

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2018
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Kim Quy.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1999.

Trú tại: Thôn T, xã ET, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thành T, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn H, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A trình bày:

Chị Kiều A và anh Lê Thành T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/2/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn T, xã ET, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh T có hành vi đánh đập chị Kiều A. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 06/2018 cho đến nay. Nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị Kiều A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành T.

Về con chung: Không có con chung

Về tài sản chung: Chị Kiều A và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị Kiều A và anh T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai vào ngày 15/8/2018 bị đơn anh Lê Thành T trình bày:*

Anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị Kiều A trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/2/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn T Hòa, xã Ea Tyl, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, anh T có đánh chị Kiều A trong lúc tức giận, sau đó anh T phải đi làm ăn xa. Anh T cho rằng vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng chưa tới mức nghiêm trọng phải ly hôn, anh còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có con chung

Về tài sản chung: Anh T và chị Kiều A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T và chị Kiều A không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi anh T lên Tòa án làm việc và viết bản tự khai thì anh vắng mặt tại các phiên làm việc với Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kiều A có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Thành T. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”. Bị đơn anh Lê Thành T, hiện đang trú tại: Thôn H, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Thành T vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Lê Thành T đăng ký kết hôn tại UBND xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/2/2018, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Kiều A xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T có hành vi đánh chị Kiều A làm cho mâu

thuần ngày càng nghiêm trọng. Anh T thừa nhận giữa anh và chị Kiều A có xảy ra mâu thuẫn và anh có đánh chị Kiều A trong lúc nóng giận, nhưng anh rằng nguyên nhân mâu thuẫn không nghiêm trọng nên anh T không đồng ý ly hôn.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Anh T và chị Kiều A về chung sống với nhau ở Thôn T Hòa, xã Ea Tyl, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, anh T, chị Kiều A có phát sinh mâu thuẫn nhưng không nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Vào tháng 6/2018 anh T đã bỏ đi khỏi địa phương, anh T và chị Kiều A ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Kiều A và anh T có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị Kiều A và anh T đã sống ly thân từ tháng 06/2018 cho đến nay. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị Kiều A và anh T không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kiều A, giải quyết cho chị Kiều A được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Lê Thành T không có con chung

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Lê Thành T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều A.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kiều A được ly hôn với anh Lê Thành T.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Lê Thành T không có con chung.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Lê Thành T xác định không có nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Kiều A đã nộp tại biên lai số 0005744 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã EB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn